TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: **795**/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 21 tháng 8 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 637/2023/HNST ngày 10 tháng 07 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Nguyễn Anh T, sinh năm 1993;

HKTT: 581/49 TC, phường TSN, quận T, Thành phố H.

2. Ông Thái Văn T2, sinh năm 1993.

HKTT: Khu phố 9, phường LP, thị xã PL, tỉnh BP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Anh T và ông Thái Văn T2 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ghi nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận không có

[3] Về T2 sản chung: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Anh T và ông Thái Văn T2 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Anh T và ông Thái Văn T2 cùng thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T2 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 192/2019 do Ủy ban nhân dân phường TSN, quận T, Thành phố H cấp ngày 26/12/2019 chấm dứt kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Hai bên xác nhận không có

1.3. Về T2 sản chung: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có

2. Về lệ phí việc dân sự: Bà Nguyễn Anh T và ông Thái Văn T2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T và ông T2 đã nộp theo Biên lai số 0006364 ngày 10/07/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà T và ông T2 đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA.DS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Viết Hoàng Lâm